TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M C** **TỈNH ĐIỆNBIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp
Nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M C, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Tòng Văn Thanh.**

2. Ông: **Nguyễn Văn Hiên.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Quàng Văn Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2025/HNGĐ-ST ngày 26/3/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thào A T – Sinh năm: 1972 – Có mặt.

Địa chỉ: Bản San Sả Hồ, xã H N, huyện M C , tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Bà Giàng Thị D – Sinh năm: 1975 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản San Sả Hồ, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A Chía – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên – Có mặt.

Người phiên dịch: Anh Thào A Chứ - Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 11/3/2025. Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn ông Thào A T trình bày:**

- Về hôn nhân: Khoảng đầu năm 1993, ông và bà Giàng Thị D qua tìm hiểu yêu thương nhau, muốn được xây dựng gia đình cùng với nhau ông bà báo cáo hai bên gia đình được sự nhất trí hai bên gia đình, ông bà tiến tới hôn nhân, ông bà tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, về chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng

ông bà không đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Cuộc sống chung thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2013 bà D yêu cầu ông đuổi mẹ đẻ ông ra khỏi nhà không cho ở cùng nhà, ông không nhất trí như yêu cầu của bà D nên giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy cãi nhau sau đó bà D bỏ nhà ra ở cùng với con trai, ông bà đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay, hiện ông bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Cuộc sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên giải quyết cho tôi ly hôn với bà D theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông bà có 05 người con chung: Cháu Thào A Nhè, sinh ngày 01/01/1994; Thào A Chía, sinh ngày 06/12/1999; Thào Thị Cống, sinh ngày 01/4/2003; Thào A Cộng, sinh ngày 09/02/2008; Thào A Ban, sinh ngày 23/02/2011. Đối với các cháu Thào A Nhè, sinh ngày 01/01/1994; Thào A Chía, sinh ngày 06/12/1999; Thào Thị Cống, sinh ngày 01/4/2003 các cháu đều đã đủ tuổi thành niên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho các cháu Thào A Cộng, sinh ngày 09/02/2008; Thào A Ban, sinh ngày 23/02/2011 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động, ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con cùng với ông.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Giàng Thị D vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 08/4/2025 cũng như trong quá trình giải quyết bà trình bày**:

- Về hôn nhân: Bà và ông Thào A T sau quen biết tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý ông bà tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn với nhau. Từ khi về chung sống với nhau thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, trong cuộc sống giữa vợ chồng không thể tránh khỏi việc xảy ra cãi nhau, cuối năm 2013 do không chịu đựng được bà đã tự bỏ về nhà con trai của ông bà ở, nay ông T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà thì bà không nhất trí ly hôn, vì bà còn tình cảm vợ chồng với ông T, bà mong ông T rút lại yêu cầu khởi kiện quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung, nếu ông T cứ cương quyết ly hôn với bà thì cũng nhất trí ly hôn với ông T.

- Về con chung: Ông bà có 05 con chung đó là cháu Thào A Nhè, sinh ngày 01/01/1994; Thào A Chía, sinh ngày 06/12/1999; Thào Thị Cống, sinh ngày 01/4/2003; Thào A Cộng, sinh ngày 09/02/2008; Thào A Ban, sinh ngày 23/02/2011. Nếu phải ly hôn đối với các cháu Thào A Nhè, Thào A Chía, Thào Thị Cống đều đã đủ tuổi trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với 02 cháu Thào A Cộng và Thào A Ban bà có nguyện được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cho cháu Thào A Ban mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

- Về tài sản: Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông, bà không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng của các cháu Thào A Cộng, Thào A Ban. Trường hợp bố mẹ ly hôn với nhau cháu có nguyện vọng sống cùng với bố.

* Tại đơn xác nhận của chính quyền địa phương quá trình chung sống của ông T và bà D tại bản San Sả Hồ, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Ông T bà D về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn với nhau. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, hiện ông bà sống ly thân với nhau. Ông T và bà D hiện đều có đủ sức khỏe để lao động sản xuất và đều đang làm ruộng, nương tại địa phương, thu nhập hàng tháng đủ ăn, cả hai ông bà đều có điều kiện nuôi con ngang nhau. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 14/4/2025 ông bà đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên. Việc thỏa thuận của ông bà là tự nguyện không bị ép buộc, phù hợp nguyện vọng của các cháu Cộng và Ban.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lý A Chía trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn, không nhất trí với phần trình bày của bị đơn.

- Về hôn nhân: Trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng ông Thào A T và bà Giàng Thị D đã không còn tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng không còn tôn trọng nhau, hiện ông bà sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, đó thể hiện việc ông bà không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại. Vậy đề nghị áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình và thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thào A T và Giàng Thị D.

- Về con chung: Ông bà có 05 con chung đó là cháu Thào A Nhè, sinh ngày 01/01/1994; Thào A Chía, sinh ngày 06/12/1999; Thào Thị Cống, sinh ngày 01/4/2003; Thào A Cộng, sinh ngày 09/02/2008; Thào A Ban, sinh ngày 23/02/2011. Đối với các cháu Thào A Nhè, Thào A Chía, Thào Thị Cống đều đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với 02 cháu Thào A Cộng và Thào A Ban. Xét nguyện vọng của các cháu và nguyện vọng của ông bà cũng như tại buổi hòa giải ngày 14/4/2025 ông bà đã thỏa thuận được với nhau về việc người trực tiếp nuôi con chưa thành niên, do đó đề nghị giao các cháu Thào A Cộng, sinh ngày 09/02/2008; Thào A Ban, sinh ngày 23/02/2011 cho ông Thào A T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động. Không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con cùng với ông T.

- Về tài sản: Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng ông bà không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì ông Thào A T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông Thào A T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, ông T xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều

12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản San Sả Hồ, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Giàng Thị D có đơn đề nghị Tòa án xem xét, xét xử vắng mặt vì công việc gia đình không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án (đề nghị của bà D được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của bà Giàng Thị D là có cơ sở cần được chấp nhận. Ông Thào A T có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Giàng Thị D theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội D vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Thào A T và bà Giàng Thị D về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993**,** chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm ông T có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay ông Thào A T có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thào A T và bà Giàng Thị D.

[3]. Về con chung: Ông T và bà D có 05 con chung đó là cháu Thào A Nhè, sinh ngày 01/01/1994; Thào A Chía, sinh ngày 06/12/1999; Thào Thị Cống, sinh ngày 01/4/2003; Thào A Cộng, sinh ngày 09/02/2008; Thào A Ban, sinh ngày 23/02/2011.

Đối với các cháu Thào A Nhè, Thào A Chía, Thào Thị Cống đều đã đủ tuổi trưởng thành và đều có đủ khả năng lao động, ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với 02 cháu Thào A Cộng, sinh ngày 09/02/2008; Thào A Ban, sinh ngày 23/02/2011. Xét nguyện vọng của các cháu cũng như nguyện vọng của ông T, bà D, tại đơn xác nhận của chính quyền địa phương phù với nội D thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con của ông T bà D phù hợp với sự thỏa thuận của ông bà tại buổi hòa giải ngày 14/4/2025. Do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận của ông T và bà D, giao các cháu Thào A

Cộng, sinh ngày 09/02/2008; Thào A Ban, sinh ngày 23/02/2011 cho ông Thào A T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với ông T.

Bà Giàng Thị D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Ông bà đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Ông bà đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Những đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì ông Thào A T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông Thào A T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ông T xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thào A T và bà Giàng Thị D.

2. Về con chung: Các cháu Thào A Nhè, sinh ngày 01/01/1994; Thào A Chía, sinh ngày 06/12/1999; Thào Thị Cống, sinh ngày 01/4/2003 đều đã đủ tuổi trưởng thành. HĐXX không xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Thào A T và bà Giàng Thi D như sau:

Giao các cháu Thào A Cộng, sinh ngày 09/02/2008; Thào A Ban, sinh ngày 23/02/2011 cho ông Thào A T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động. Ông T không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con cùng với ông.

Bà Giàng Thị D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST cho ông Thào A T.

* Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn ông Thào A T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/5/2025. Bị đơn bà Giàng Thị D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh